

Thứ ba, ngày 29 tháng 10 năm 2019

Vietnam Daily Review

Tiếp tục giảm điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 30/10/2019		•	
Tuần 28/10-1/11/2019			•
Tháng 10/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index tiếp tục ghi nhận diễn biến giằng co trong phiên giao dịch hôm nay. Cụ thể, kết thúc phiên sáng, nhờ đà tăng tích cực của các mã bluechips bao gồm VHM, SAB, CTG, chỉ số vận động trên mốc tham chiếu. Đến phiên chiều, trước sự điều chỉnh của nhóm cổ phiếu ngành Ngân hàng như VCB, VPB, MBB, TCB, TPB, thị trường lùi về ngưỡng 995.87 điểm. VN-Index tiếp tục có phiên điều chỉnh khi tiến gần đến ngưỡng kháng cự quan trọng 1,000 điểm. BSC cho rằng nhà đầu tư nên quan sát thêm các yếu tố vĩ mô nước ngoài có thể gây ảnh hưởng trong các phiên tiếp theo như kì họp tháng 10 của FED cùng quyết định về lãi suất và các diễn biến tiếp theo của Brexit.

Hợp đồng tương lai: Hợp đồng tương lai có sự phân hóa về giá. VN30F1911 và VN30F2003 đều giảm trong khi VN30F1912 và VN30F2006 đều tăng. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 915 điểm cho các hợp đồng trung hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 29/10/2019, chứng quyền và chứng khoán cơ sở đều có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ. VHM tăng mạnh trong phiên hôm nay sau giai đoạn điều chỉnh giảm xuống ngưỡng 86. Thanh khoản tăng tích cực, đồng thuận với tín hiệu tăng ngắn bởi các chỉ báo động lượng. Vận động tăng của VHM có thể tạo động lực tăng giá với chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme_Nước & Năng lượng_0.5%. 6/17 danh mục Chủ đề có hiệu suất trong ngày **Khả quan**, trong đó cả 6 danh mục có hiệu suất tốt hơn VNINDEX (-0.1%). Đặc biệt, danh mục **Nước & Năng lượng** - đầu tư vào nhóm ngành hàng thiết yếu, có tăng trưởng ổn định và tính phòng thủ tốt - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.5%**.

Phân tích kỹ thuật: PLX_Tín hiệu hồi phục (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **PNJ, KDH, ANV, TCB, BID**

Cập nhật iBroker: STK, HT1, PHR, DRC, STB

Điểm nhấn

- VN-Index **-0.61 điểm**, đóng cửa 995.87. HNX-Index **-0.36 điểm**, đóng cửa 104.68.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+1.61); SAB (+0.47); VNM (+0.15); REE (+0.13); PLX (+0.11).**
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-1.08); GAS (-0.39); VJC (-0.23); MSN (-0.17); POW (-0.14).**
- Giá trị khởp lệnh của VN-Index đạt **2,980 tỷ đồng**, **+6.7%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 4.01 điểm. Thị trường có 128 mã tăng, 66 mã tham chiếu và 196 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **79.68 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VHM (29.08 tỷ), ROS (26.08 tỷ) và MSN (22.43 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **2.33 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

995.87

Giá trị: 2980.56 tỷ

-0.61 (-0.06%)

Khối ngoại (ròng): -79.68 tỷ

HNX-INDEX

104.68

Giá trị: 219.23 tỷ

-0.36 (-0.34%)

Khối ngoại (ròng): -2.33 tỷ

UPCOM-INDEX

56.36

Giá trị: 225.09 tỷ

-0.04 (-0.07%)

Khối ngoại(ròng): 25.37 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	55.2	-1.02%
Giá vàng	1,494	0.07%
Tỷ giá USD/VND	23,203	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	25,744	0.02%
Tỷ giá JPY/VND	21,311	0.08%
LS liên NH 1 tháng	2.6%	-1.87%
LS TPCP 5 năm	2.7%	

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	39.7	VHM	29.1
HPG	24.4	ROS	26.4
VRE	7.3	MSN	22.4
GAS	3.7	VCB	19.9
VHC	3.5	VJC	12.7

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **6/17 danh mục** Chủ đề có hiệu suất trong ngày **Khả quan**, trong đó cả 6 danh mục có hiệu suất tốt hơn VNINDEX (-0.1%). Đặc biệt, danh mục **Nước & Năng lượng** - đầu tư vào nhóm ngành hàng thiết yếu, có tăng trưởng ổn định và tính phòng thủ tốt - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.5%**.

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** tiếp tục có hiệu suất thể hiện tính an toàn hơn thị trường chung:

- **18/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất tuần **khả quan**
- **7/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tuần **khả quan**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Nước & Năng lượng_0.5%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Nước & Năng lượng	0.5%	1.4%	-2.6%	0.6%	-1.8%	14.9%	52.4%
Xây dựng	0.3%	0.1%	-6.0%	0.1%	-6.8%	-8.9%	23.4%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.2%	1.3%	-0.5%	-2.5%	-1.3%	18.5%	49.1%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.2%	1.8%	-0.2%	7.7%	8.7%	11.8%	73.3%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.2%	1.6%	0.1%	8.1%	11.2%	19.1%	91.1%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.2%	1.1%	-0.7%	-0.5%	-0.5%	10.3%	77.6%
BĐS & Khu công nghiệp	-0.1%	0.6%	-1.1%	2.3%	3.1%	8.9%	60.0%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.2%	1.4%	0.0%	12.1%	15.5%	17.4%	81.1%
Dầu khí	-0.3%	1.2%	-2.8%	-6.9%	-5.8%	1.6%	11.3%
Vật liệu Xây dựng	-0.3%	1.3%	3.8%	5.8%	4.1%	11.9%	7.5%
Hàng tiêu dùng	-0.4%	0.1%	-0.2%	5.3%	8.0%	16.5%	59.8%
Xây dựng & Vật liệu XD	-0.4%	0.2%	1.0%	2.3%	-2.8%	0.2%	-3.3%
Ngân hàng	-0.4%	0.6%	1.9%	10.6%	12.5%	14.9%	82.1%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-0.5%	0.4%	1.1%	7.3%	6.7%	5.0%	40.1%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.7%	-0.1%	-2.9%	-5.3%	-8.7%	-9.4%	40.4%
Chiến tranh thương mại	-0.7%	0.2%	-1.4%	-2.0%	-3.1%	1.5%	7.0%
Lãi suất giảm	-0.8%	-0.1%	-1.0%	1.6%	1.5%	5.9%	48.9%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 1	0.5%	2.3%	2.1%	11.7%	13.2%	17.0%	74.8%
Danh mục 12	0.4%	2.5%	-0.8%	6.8%	9.7%	18.2%	109.5%
Danh mục 16	0.4%	1.7%	1.4%	7.4%	12.0%	17.9%	73.0%
Danh mục 11	-0.4%	0.5%	-1.3%	0.3%	-1.3%	4.4%	80.5%
Danh mục 3	-0.5%	0.9%	-0.3%	3.6%	0.2%	2.3%	29.3%
* Note	18/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất tuần khả quan						

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 19	0.2%	1.7%	2.5%	9.9%	13.8%	25.1%	65.3%
Danh mục 23	0.0%	0.9%	1.7%	2.7%	1.5%	11.5%	105.6%
Danh mục 20	0.0%	0.3%	2.1%	2.4%	4.9%	15.8%	22.4%
Danh mục 25	-0.5%	1.4%	-2.2%	0.9%	9.6%	30.4%	156.0%
Danh mục 24	-0.6%	1.4%	-0.2%	6.0%	11.5%	17.5%	68.5%
* Note	7/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tuần khả quan						

INDEX							
VNINDEX	-0.1%	0.9%	-0.1%	0.4%	2.2%	7.9%	46.0%
VN30INDEX	-0.2%	0.8%	0.1%	4.6%	3.2%	3.1%	41.4%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

BSC RESEARCH

10/29/2019

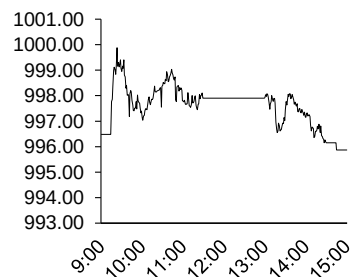
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1

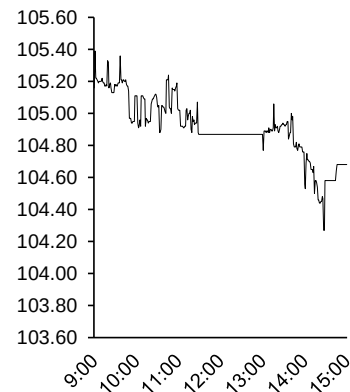
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Bất động sản	0.6%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.4%
Dầu khí	0.3%
Thực phẩm và đồ uống	0.2%
Hóa chất	0.0%
Bảo hiểm	-0.2%
Tài nguyên Cơ bản	-0.2%
Ô tô và phụ tùng	-0.3%
Truyền thông	-0.3%
Du lịch và Giải trí	-0.4%
Công nghệ Thông tin	-0.5%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.5%
Y tế	-0.5%
Dịch vụ tài chính	-0.5%
Xây dựng và Vật liệu	-0.5%
Ngân hàng	-0.6%
Viễn thông	-0.6%
Bán lẻ	-0.7%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.7%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

PLX_Tín hiệu hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy ngắn hạn
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: Cổ phiếu PLX đang hình thành xu hướng hồi phục. Thanh khoản cổ phiếu vẫn nằm dưới mức trung bình 20 phiên nhưng đã có dấu hiệu tăng dần trong các phiên gần nhất. Xu hướng tăng trở lại này cũng đồng thuận với xu hướng của bước giá, báo hiệu lực tăng đang hình thành. Chỉ báo RSI duy trì xu hướng tích cực trong khi chỉ báo MACD đang cho thấy tín hiệu khởi đầu của xu hướng tăng giá. Đường giá cổ phiếu cũng đã chạm lại dải mây Ichimoku, báo hiệu xu hướng tăng trung hạn đang hình thành. Như vậy, nếu thanh khoản tăng mạnh trở lại trong các phiên giao dịch tới, PLX có thể tăng giá trở về vùng kháng cự 64-65.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD

Kế hoạch kinh doanh 2019 DT và LNTT lần lượt đạt 195,000 tỷ (+2%) và 5,250 tỷ (+4% YoY). Tổng sản lượng xăng dầu xuất bán đạt 12,227,600 m3 tấn (-5% YoY).

Cập nhật KQKD

KQKD 2018 DT và LNTT lần lượt đạt 191,932 tỷ (+25% YoY) và 5,043 tỷ (+5% YoY). Tổng sản lượng đạt 12,878 triệu m3 (+5% YoY). Công ty đầu tư mới 120 CHXD, hoàn thành 79 CHXD, chính thức đưa vào sử dụng 75 CHXD.

KQKD Q1.2019 dự kiến đạt 1,500 LNTT (+24% YoY). Tuy nhiên, khoảng 500 tỷ LNTT (trích lập trong Q4.2018) được hoàn nhập trong Q1.2019.

Thị phần của PLX khoảng 47 – 48% trong năm 2018. Công ty cũng nhấn mạnh data không đầy đủ và chỉ mang tính dự báo.

Đầu tư vào LNG: PLX ký hợp tác toàn diện với EVN. Theo đó, EVN sẽ nghiên cứu việc xây dựng trung tâm điện lực tại Khánh Hòa. PLX sẽ sử dụng nguồn lực (kho ngoại cảng, cầu cảng có thể tiếp nhận tàu lên 150k tấn) để nhập LNG, làm đông lạnh rồi cung cấp cho trung tâm điện lực dầu khí. Tổng vốn đầu tư là 700 triệu USD, với thời gian từ 2021 – 2025.

Chi tiết tham khảo BSC - iBroker: Express PLX 2019Q2

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PNJ_Tăng giá

[Link](#)

KDH_Bứt phá

[Link](#)

ANV_Hồi phục

[Link](#)

TCB_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

BID_Tiến về vùng đỉnh cũ

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 29/10/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 29/10	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	55.84	-1.54%	4.77%	-0.48%	-16.69%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	61.64	-0.61%	4.57%	-0.71%	-20.28%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.68	0.15%	4.36%	4.51%	-8.09%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1492.94	-0.77%	0.66%	1.50%	21.54%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.82	-0.94%	1.47%	4.88%	23.35%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	918.84	-0.03%	-1.54%	1.42%	9.52%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	512.98	-1.11%	-2.01%	3.48%	1.13%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.67	0.00%	0.05%	2.13%	20.22%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	149.50	1.63%	0.40%	-4.47%	2.26%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.54	1.54%	2.20%	5.20%	-7.11%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	3.17	0.00%	-2.16%	0.63%	-3.35%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	100.65	1.21%	4.46%	-0.49%	-11.90%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.67	0.23%	1.28%	4.06%	-2.55%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3487.00	0.00%	1.51%	-6.14%	-23.71%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1728.00	0.23%	-0.58%	-0.52%	-12.90%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	85.50	0.00%	0.00%	-6.04%	13.25%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	70.57	4.24%	1.73%	-1.55%	-34.84%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Chốt phiên giao dịch đêm qua, dầu thô Brent giảm 45 US cent tương đương 0.7% xuống 61.57 USD/thùng, trong khi dầu thô Tây Texas WTI giảm 85 US cent tương đương 1.5% xuống 55.81 USD/thùng.
- Giá dầu giảm trở lại sau 4 phiên tăng liên tiếp do dự kiến dự trữ dầu của Mỹ sẽ tăng và lo ngại về số liệu công nghiệp Trung Quốc suy yếu, làm lu mờ kỳ vọng nhu cầu dầu sẽ tăng nếu các cuộc đàm phán thương mại Mỹ - Trung có tiến triển. Giá dầu chịu áp lực giảm bởi dự trữ dầu thô của Mỹ trong tuần trước dự kiến sẽ tăng khoảng 700,000 thùng. Đồng thời lợi nhuận tại các công ty công nghiệp Trung Quốc trong tháng 9/2019 giảm tháng thứ 2 liên tiếp, do giá sản xuất tiếp tục giảm bởi hoạt động kinh tế chậm lại và cuộc chiến thương mại với Mỹ kéo dài.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0.8% xuống 1,492.17 USD/ounce và vàng kỳ hạn tháng 12/2019 trên sàn New York giảm 0.6% xuống 1,495.8 USD/ounce.
- Giá vàng chịu áp lực giảm bởi thị trường chứng khoán Mỹ tăng, đặc biệt chỉ số S&P 500 đạt mức cao mới do gia tăng kỳ vọng các cuộc đàm phán thương mại Mỹ - Trung và thu nhập của các công ty tăng mạnh. Đồng thời, Tổng thống Mỹ Donald Trump dự kiến sẽ ký được 1 phần quan trọng trong thỏa thuận thương mại với Trung Quốc trước thời hạn, sau khi các quan chức của cả hai bên xác nhận "gần hoàn tất" các phần của thỏa thuận.

Giá quặng sắt

- Quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn Đại Liên giảm 0.1% xuống 627 CNY (88.77 USD)/tấn. Giá quặng sắt tại Đại Liên giảm lần đầu tiên trong 5 phiên, sau khi 1 liên doanh khai thác giữa Vale SA và BHP Group Brazil giành được quyền tiếp tục hoạt động sau vụ vỡ đập năm 2015.
- Giá thép cây kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn Thượng Hải tăng 0.2% lên 3,327 CNY/tấn. Thép cuộn cán nóng giảm 0.1% xuống 3,341 CNY/tấn.

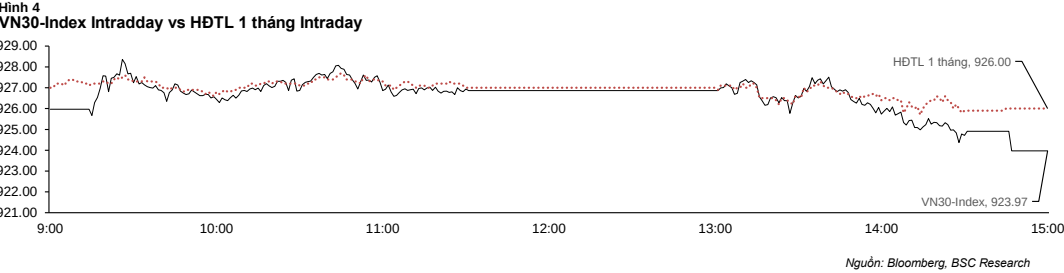
Giá nông sản

- Cà phê robusta kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn London tăng 1.05 US cent tương đương 1.1% lên 1.005 USD/lb. Cà phê arabica trên sàn New York kỳ hạn tháng 12/2019 cũng tăng 27 USD, tương đương 2.2%, lên 1,277 USD/tấn
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2020 tăng 0.19 US cent tương đương 1.5% lên 12.54 US cent/lb. Giá đường trắng kỳ hạn tháng 12/2019 tăng 3.6 USD, tương đương 1.2%, lên 340.8 USD/tấn. Giá đường tăng lên mức cao nhất trong gần 2 tuần do hoạt động đẩy mạnh mua vào và đồng real Brazil tăng mạnh.

Giá cao su

- Hợp đồng kỳ hạn tháng 4 trên sàn TOCOM giảm xuống 170.4 JPY (1,57 USD)/kg. Hợp đồng kỳ hạn tháng 1/2020 tại Thượng Hải giảm 135 CNY (19.13 USD) xuống 11,710 CNY/tấn. Giá cao su tại Tokyo giảm theo xu hướng giá thị trường Thượng Hải và giá dầu thô suy yếu.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1911	926.00	-0.05%	2.03	-30.9%	32620	11/21/2019	25
VN30F1912	926.30	0.09%	2.33	50.0%	87	12/19/2019	53
VN30F2003	925.50	-0.15%	1.53	-76.3%	9	3/19/2020	144
VN30F2006	926.90	0.01%	2.93	-45.9%	20	6/18/2020	235

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm nhẹ -2.00 điểm xuống mức 923.97 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VJC, STB, VCB, VPB, và MSN tác động mạnh đến điều chỉnh giảm điểm của VN30. VN30 vận động tích lũy tại vùng giá 926-928 điểm trong phần lớn thời gian phiên hôm nay, cuối phiên điều chỉnh giảm xuống dưới mốc tham chiếu. Thanh khoản giảm nhẹ, tuy vẫn duy trì tại mức tích cực, VN30 có thể tăng lên trên 930 điểm trong những phiên tới.
- Hợp đồng tương lai có sự phân hóa về giá. VN30F1911 và VN30F2003 đều giảm trong khi VN30F1912 và VN30F2006 đều tăng. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F1912, các hợp đồng khác đều giảm. Điều này báo hiệu việc điều chỉnh giảm trong trung hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 915 điểm cho các hợp đồng trung hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CREE1903	SSI	4/22/2020	176	1:1	4,240	-58.1%	1.0 triệu	23.59%	7,600	7,580	11.47%	4,019.10	1.89
CFPT1906	HSC	4/8/2020	162	5:1	62,070	-62.2%	5.0 triệu	20.06%	1,700	2,000	9.29%	837.40	2.39
CVHM1902	SSI	4/22/2020	176	1:1	12,600	-26.1%	1.0 triệu	26.84%	18,600	16,570	4.35%	8,852.30	1.87
CDPM1901	KIS	1/9/2020	72	1:1	89,200	109.0%	1.5 triệu	27.13%	1,900	2,030	2.01%	859.00	2.36
CVNM1903	SSI	4/22/2020	176	1:1	36,620	-17.4%	1.0 triệu	18.91%	26,600	29,880	1.67%	18,134.80	1.65
CVRE1902	HSC	4/8/2020	162	4:1	98,270	129.7%	5.0 triệu	18.91%	1,300	1,320	1.54%	658.00	2.01
CVNM1902	KIS	3/26/2020	149	10:1	42,800	330.6%	5.0 triệu	18.91%	1,900	2,960	1.37%	4,090.30	0.72
CVIC1902	SSI	4/22/2020	176	1:1	12,750	650.0%	1.0 triệu	18.26%	22,700	20,410	0.54%	8,914.30	2.29
CMWG1902	VND	12/11/2019	43	4:1	27,800	-63.4%	2.4 triệu	20.40%	2,990	9,650	0.10%	9,375.60	1.03
CVNM1901	KIS	12/13/2020	411	10:1	387,790	-61.0%	5.0 triệu	18.91%	1,200	570	0.00%	2.10	271.43
CMWG1903	HSC	12/30/2019	62	5:1	67,550	-16.6%	2.0 triệu	20.40%	2,700	6,870	-1.15%	6,542.90	1.05
CMWG1904	SSI	12/30/2019	62	1:1	22,850	-71.2%	1.0 triệu	20.40%	14,000	39,320	-1.95%	37,723.30	1.04
CFPT1905	SSI	4/22/2020	176	1:1	11,210	-55.7%	1.0 triệu	20.06%	9,900	10,000	-2.91%	5,602.30	1.78
CMWG1906	MBS	12/16/2019	48	5:1	226,460	60.6%	3.0 triệu	20.40%	2,850	2,750	-3.51%	1,610.30	1.71
CVJC1902	SSI	4/22/2020	176	1:1	25,300	6.7%	1.0 triệu	15.62%	27,900	31,500	-3.76%	17,404.70	1.81
CMBB1903	SSI	4/22/2020	176	1:1	34,440	-3.7%	3.0 triệu	16.91%	4,000	4,020	-3.83%	1,848.30	2.17
CSTB1901	KIS	1/9/2020	72	1:1	419,040	305.4%	1.5 triệu	19.90%	1,390	1,360	-4.23%	313.50	4.34
CMBB1902	HSC	12/17/2019	49	1:1	163,840	3.6%	1.0 triệu	16.91%	3,200	3,750	-5.30%	1,336.80	2.81
CFPT1904	MBS	11/19/2019	21	3:1	49,900	-10.0%	3.0 triệu	20.06%	1,700	2,110	-9.05%	2,017.30	1.05
CMWG1907	HSC	4/8/2020	162	10:1	339,550	5.3%	5.0 triệu	20.40%	1,900	2,040	-9.33%	930.70	2.19
CMBB1904	SSI	1/22/2020	85	1:1	60,630	11.7%	2.0 triệu	16.91%	2,900	3,160	-11.73%	1,398.70	2.26
CVIC1901	KIS	11/14/2019	16	5:1	29,050	-63.8%	2.0 triệu	18.26%	1,960	230	-17.86%	-	
CHPG1906	KIS	11/14/2019	16	2:1	514,490	36.2%	5.0 triệu	27.00%	1,500	70	-36.36%	-	
Tổng:					3,941,480		103.2 triệu	20.91%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất								CR: Tỷ lệ chuyển đổi
					Lãi suất phí rủi ro là 4.75%								Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
					**Trung bình độ lệch chuẩn								*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 29/10/2019, chứng quyền và chứng khoán cơ sở đều có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ.
- Về giá, CHPG1906 và CVIC1901 giảm mạnh nhất lần lượt là -36.36% và -17.86%. Ngược lại, CREE1903 và CFPT1906 tăng mạnh nhất lần lượt là 11.47% và 9.29%. Thanh khoản thị trường giảm nhẹ -4.62%. CVRE1901 tiếp tục có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 15.90% thị trường.
- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, MWG và VJC, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CMWG1904 và CVNM1903 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG1902 và CMWG1904 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. VHM tăng mạnh trong phiên hôm nay sau giai đoạn điều chỉnh giảm xuống ngưỡng 86. Thanh khoản tăng tích cực, đồng thuận với tín hiệu tăng ngắn bởi các chỉ báo động lượng. Vận động tăng của VHM có thể tạo động lực tăng giá với chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tới.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VHM	87.60	1.86	0.79
REE	37.95	3.69	0.32
SAB	260.00	0.97	0.25
VNM	134.10	0.22	0.21
VRE	32.60	0.46	0.09

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VJC	143.5	-1.03	-0.57
STB	10.7	-1.84	-0.48
VCB	86.4	-1.14	-0.41
VPB	21.9	-0.68	-0.36
MSN	74.0	-0.67	-0.33

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hóa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CREE1903	43,600	36,000	37,950
CFPT1906	65,500	57,000	57,900
CVHM1902	103,600	85,000	87,600
CDPM1901	15,888	13,988	14,200
CVNM1903	146,600	120,000	134,100
CVRE1902	37,700	32,500	32,600
CVNM1902	152,333	133,333	134,100
CVIC1902	137,700	115,000	117,800
CMWG1902	48,130	90,000	127,000
CVNM1901	46,340	156,285	134,100
CMWG1903	25,800	95,000	127,000
CMWG1904	165,000	90,000	127,000
CFPT1905	64,900	55,000	57,900
CMWG1906	135,150	120,900	127,000
CVJC1902	157,900	130,000	143,500
CMBB1903	26,000	22,000	22,850
CSTB1901	12,278	10,888	10,650
CMBB1902	26,300	21,800	22,850
CFPT1904	57,100	52,000	57,900
CMWG1907	144,000	125,000	127,000
CMBB1904	24,900	22,000	22,850
CVIC1901	150,688	140,888	117,800
CHPG1906	31,088	28,088	22,200

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	127.0	-0.5%	0.7	2,445	2.5	7,893	16.1	5.4	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	82.6	-1.1%	1.0	799	1.5	4,839	17.1	4.5	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	70.9	-0.1%	1.3	2,161	0.3	1,505	47.1	3.2	25.3%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	32.4	-0.3%	0.7	326	0.1	2,801	11.6	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	117.8	0.1%	1.1	17,137	1.0	1,643	71.7	4.8	15.1%	8.3%
VRE	Bất động sản	32.6	0.5%	1.1	3,301	3.2	1,033	31.6	2.7	31.4%	8.8%
NVL	Bất động sản	59.1	-0.2%	0.8	2,391	1.1	3,579	16.5	2.7	7.4%	17.8%
REE	Bất động sản	38.0	3.7%	1.0	512	3.1	5,261	7.2	1.2	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	16.2	0.3%	1.4	371	0.7	3,215	5.0	1.0	68.6%	25.9%
SSI	Chứng khoán	21.2	-0.5%	1.4	467	1.1	1,737	12.2	1.1	56.9%	10.9%
VCI	Chứng khoán	34.2	-1.7%	1.0	244	0.0	5,067	6.7	1.5	38.3%	24.7%
HCM	Chứng khoán	22.9	-1.3%	1.5	304	0.6	1,287	17.8	1.6	56.2%	10.2%
FPT	Công nghệ	57.9	-0.3%	0.8	1,707	2.4	4,349	13.3	2.9	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	45.0	0.0%	0.4	487	0.0	4,156	10.8	2.7	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	102.2	-0.7%	1.5	8,505	0.6	5,886	17.4	4.3	3.6%	26.1%
PLX	Dầu khí	58.3	0.5%	1.5	3,018	0.6	3,350	17.4	3.4	13.3%	20.1%
PVS	Dầu khí	18.5	-0.5%	1.7	384	0.5	2,072	8.9	0.7	22.3%	10.0%
BSR	Dầu khí	9.7	0.0%	0.8	1,308	0.3	1,163	8.3	1.0	41.1%	11.0%
DHG	Dược	93.1	-0.4%	0.5	529	0.0	4,535	20.5	3.8	54.3%	19.4%
DPM	Hóa chất	14.2	1.4%	0.7	242	0.2	650	21.9	0.7	19.1%	3.7%
DCM	Hóa chất	7.4	-0.3%	0.6	169	0.1	625	11.8	0.6	2.5%	5.5%
VCB	Ngân hàng	86.4	-1.1%	1.3	13,932	2.6	5,274	16.4	3.9	23.9%	27.1%
BID	Ngân hàng	40.6	0.0%	1.5	6,035	1.6	2,109	19.2	2.5	3.4%	13.5%
CTG	Ngân hàng	22.1	0.2%	1.6	3,570	3.2	1,641	13.4	1.1	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	21.9	-0.7%	1.2	2,339	0.7	3,341	6.6	1.3	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	22.9	-0.7%	1.1	2,311	2.9	3,261	7.0	1.3	20.0%	21.8%
ACB	Ngân hàng	23.7	0.0%	1.1	1,671	1.8	3,651	6.5	1.5	44.3%	25.9%
BMP	Nhựa	53.0	-0.2%	0.9	189	0.3	5,017	10.6	1.8	79.3%	17.1%
NTP	Nhựa	33.1	-1.8%	0.3	141	0.1	4,603	7.2	1.2	20.8%	17.8%
MSR	Tài nguyên	16.4	0.6%	1.2	641	0.0	732	22.4	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	22.2	0.0%	1.0	2,665	5.2	2,526	8.8	1.4	37.5%	19.9%
HSG	Thép	7.1	-2.1%	1.6	131	0.8	425	16.7	0.6	17.0%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	134.1	0.2%	0.8	10,153	3.0	5,465	24.5	8.2	59.0%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	260.0	1.0%	0.8	7,249	0.6	7,365	35.3	9.3	63.4%	28.4%
MSN	Tiêu dùng	74.0	-0.7%	1.2	3,761	1.6	3,304	22.4	2.8	40.2%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	18.9	-0.5%	0.5	482	0.9	445	42.5	1.7	6.0%	3.9%
ACV	Vận tải	78.8	0.3%	0.8	7,459	0.2	2,630	30.0	5.6	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	143.5	-1.0%	1.1	3,268	2.5	9,850	14.6	5.5	19.9%	43.3%
HVN	Vận tải	35.3	0.4%	1.7	2,174	0.5	1,747	20.2	2.8	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	26.9	-0.4%	0.8	347	0.4	1,888	14.3	1.3	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	17.2	0.3%	0.6	210	0.5	2,571	6.7	1.2	30.6%	17.7%
VCS	Vật liệu xây dựng	85.2	-2.2%	0.9	593	1.1	8,338	10.2	4.3	2.1%	45.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.1	-0.3%	0.8	371	0.1	1,398	13.6	1.4	13.5%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.9	0.9%	0.8	280	0.1	1,912	8.8	1.1	6.1%	13.8%
CTD	Xây dựng	78.7	-1.0%	0.7	261	0.3	9,842	8.0	0.7	48.7%	9.3%
VCG	Xây dựng	26.6	0.0%	1.1	511	0.2	1,352	19.7	1.8	0.0%	9.9%
CII	Xây dựng	23.6	-1.0%	0.5	254	0.3	387	61.0	1.2	51.8%	1.9%
POW	Điện	12.9	-1.5%	0.6	1,313	1.3	820	15.7	1.2	14.2%	7.8%
NT2	Điện	23.2	0.0%	0.6	290	0.3	2,721	8.5	1.6	19.6%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	87.60	1.86	1.58	1.01MLN
SAB	260.00	0.97	0.47	55090.00
VNM	134.10	0.22	0.15	520280.00
REE	37.95	3.69	0.12	1.93MLN
PLX	58.30	0.52	0.11	221780.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SJE	23.10	10.00	0.03	100.00
HUT	2.50	4.17	0.02	402400.00
KLF	1.40	7.69	0.02	338600.00
MBG	44.00	1.62	0.01	325500.00
SDG	33.50	9.84	0.01	100.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	86.40	-1.14	-1.09	702620.00
GAS	102.20	-0.68	-0.39	127260.00
VJC	143.50	-1.03	-0.24	394270.00
MSN	74.00	-0.67	-0.17	483230.00
POW	12.90	-1.53	-0.14	2.23MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	6.60	-1.49	-0.11	1.32MLN
VCS	85.20	-2.18	-0.06	284800.00
NVB	8.90	-1.11	-0.04	1.91MLN
PGS	31.00	-2.82	-0.03	1700.00
DNP	16.10	-2.42	-0.03	5000.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PTC	6.42	7.00	0.00	16600.00
SVI	69.00	6.98	0.02	18990.00
NAV	9.82	6.97	0.00	1300.00
DXV	3.53	6.97	0.00	110.00
PXS	4.76	6.97	0.01	256550.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DST	1.10	10.0	0.00	43100.00
FID	1.10	10.0	0.00	3300.00
SJE	23.10	10.0	0.03	100.00
VIG	1.10	10.0	0.00	258500.00
SDG	33.50	9.8	0.01	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ASM	7.05	-12.20	-0.08	2.64MLN
PTL	5.31	-6.84	-0.01	36810.00
AGF	2.87	-6.82	0.00	14280.00
LSS	4.38	-6.81	-0.01	188670.00
VMD	21.30	-6.78	-0.01	14550.00

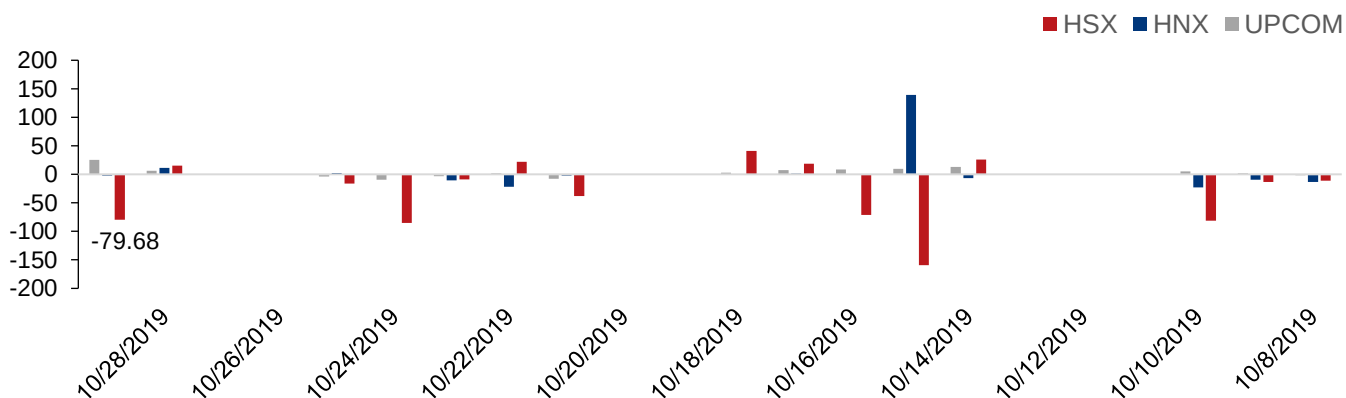
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TMX	11.70	-10.00	0.00	300.00
VE4	5.40	-10.00	0.00	300.00
CVN	10.90	-9.92	-0.01	1400.00
PPP	18.50	-9.76	-0.01	100.00
VCR	17.60	-9.74	-0.02	425800.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
3	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
4	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồi	Phân tích vĩ mô		Click
9	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
10	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
11	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
13	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
16	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
18	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
19	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	20.0	29.1	19.7	2,582	7.6	0.9	Click
2	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	38.0	N/a	39.5	3,678	10.7	0.8	Click
3	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	78.5	82.7	74.0	3,304	22.4	2.8	Click
4	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	134.1	5,465	24.5	8.2	Click
5	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	22.4	2,887	7.7	1.6	Click
6	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	38.0	5,261	7.2	1.2	Click
7	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	80.6	14,958	5.4	1.6	Click
8	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	8.1	2,076	3.9	0.5	Click
9	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	23.7	3,651	6.5	1.5	Click
10	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	13.8	1,098	12.6	1.2	Click
11	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	86.4	5,274	16.4	3.9	Click
12	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	23.7	1,723	13.7	1.7	Click
13	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	22.9	3,261	7.0	1.3	Click
14	DBD	Y tế	Theo dõi	9/5/2019	47.4	N/a	52.8	2,801	18.9	3.1	Click
15	GMD	Cảng biển	Mua	30/08/2019	27.9	37.6	26.9	1,888	14.3	1.3	Click
16	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	27.0	3,391	8.0	1.9	Click
17	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	57.9	4,349	13.3	2.9	Click
18	GVR	Cao su	Mua	21/08/2019	16.5	19.2	14.4	649	22.2	1.3	Click
19	MWG	Bán lẻ	Mua	20/08/2019	117.9	171.4	127.0	7,893	16.1	5.4	Click
20	PNJ	Bán lẻ	Mua	8/9/2019	84.8	97.2	82.6	4,839	17.1	4.5	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express STK 2019Q4	28/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 21873; Giá tại Publish 19350 Lũy kế 9 tháng, STK đạt doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế lần lượt 1,653.4 tỷ đồng (-7.2% YoY) và 161.1 tỷ đồng (+22.8% YoY) qua đó hoàn thành lần lượt 63.5% KHDT và 80.7% KHLNST. Riêng Quý 3, doanh thu thuần chỉ đạt 554.2 tỷ (-5.9% YoY) do thị trường các mặt hàng truyền thống sợi nguyên sinh tiêu thụ chậm lại làm sản lượng sợi virgin giảm -12.2% trong 9T19 và giá bán sợi nguyên sinh giảm khiến doanh thu bán sợi virgin giảm 24.1%, nguyên nhân do tác động bán phá giá từ Trung Quốc sang Việt Nam. Nếu Mỹ tiếp tục áp thuế 15% lên 160 tỷ USD hàng Trung Quốc vào 15/12 này thì khả năng giá sợi sẽ tiếp tục khó khăn.
Express SBT 2019Q4	15/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 18700 Kết thúc niên độ 2018-2019 (18-19) , SBT đạt KQKD tiếp tục suy giảm do tình hình khó khăn chung của ngành đường. DTT và LNST đạt lần lượt là 10,857 tỷ đồng (+5.5% YoY) và 259.3 tỷ đồng (-52% YoY), tương đương EPS đạt 437 VND/CP, qua đó SBT chỉ hoàn thành được 94% kế hoạch doanh thu và 62% kế hoạch LNTT. Tổng sản lượng tiêu thụ đường tăng trưởng tốt đạt 749,000 tấn (+31% YoY) tuy nhiên sản lượng mía ép chỉ đạt 2,761 ngàn tấn (-26% YoY) khiến cho sản lượng đường sản xuất giảm còn 542 ngàn tấn (-10% YoY), nguyên nhân chủ yếu là do tình hình biến đổi khí hậu chịu ảnh hưởng bởi El Nino với nắng hạn kéo dài.
Express HT1 2019Q4	22/10/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 18200; Giá tại Publish 16000 Doanh thu thuần 9T2019 đạt 6,553 tỷ (+8.1% YoY), hoàn thành 73.4% kế hoạch năm nhờ: (1) Sản lượng 9T đạt 5.4 triệu tấn (+9.7% YoY); (2) Giá bán bình quân giảm do năm 2019 tỷ trọng tiêu thụ xi măng rời của HT1 tăng từ 27% (2018) lên khoảng 33% trong 2019. Tuy nhiên, HT1 cho biết trong Q3 công ty đã tiến hành rà soát lại giá bán, điều chỉnh tăng với những vùng có giá bán thấp bất hợp lý. Biến LNG trong 9T2019 tăng từ 16.4% cùng kỳ lên 17.1%, chúng tôi cho rằng biến LNG được cải thiện 1 phần nhờ hỗ trợ bởi giá than (khoảng 30% giá vốn) giảm khoảng 50,000 đồng/tấn (tương đương giảm 1.5-2%). Giá than công ty nhập trong T10 vẫn đang trong xu hướng giảm sẽ hỗ trợ biến LN trong Q4/2019.
Express PHR 2019Q4	15/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 59300 KQKD 9 tháng: DT đạt 685 tỷ đồng (+3% yoy) và LNST đạt 429 tỷ đồng (+23.4% yoy) đến chủ yếu từ doanh thu mủ cao su đạt đến từ sản lượng 20,281.6 tấn (+4.6% yoy) với giá bán bình quân lũy kế 33.5 triệu đồng/tấn (-1.7% yoy), giá bán bình quân tháng 9 đạt 32.3 triệu đồng, cho thấy mức giá cao su vẫn chưa phục hồi. So với kế hoạch đặt ra đạt 68% lợi nhuận sau thuế. Lũy kế thu mua 9 tháng, sản lượng thu mua giảm đạt 8,709 tấn (-12.5% yoy) giúp cải thiện biên lợi nhuận từ mức 6.6% lên 8.1% do mảng thu mua gần như không có lãi.
Express DRC 2019Q4	15/10/2019	KKhuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 28381; Giá tại Publish 24450 Doanh thu quý 3 đạt 1,013 tỷ đồng (+8.3% yoy), LNST đạt 82 tỷ (gấp 2.65 lần cùng kỳ), biến LNG cải mức 11.8% lên 13%. Doanh nghiệp duy trì chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp ở mức ổn định chiếm khoảng 4.4% doanh thu. Tỷ lệ giảm trừ doanh thu chiết khấu giảm từ 5.1% xuống còn 4.2%. Kết quả 9T2019 tương ứng hoàn thành 77% và 135% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2019.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn